

Bản án số: 1093/2024/HC-PT

Ngày 25-9-2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Đức Thọ

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 547/2024/TLPT-HC ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2706/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Trương Văn K, sinh năm 1969; Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Thùy N, sinh năm 1971; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp của ông K và bà N: Ông Phan Văn S, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Là người đại diện theo ủy quyền (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2023). Có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Địa chỉ trụ sở: Số E, đường N, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh B: Ông Phạm Văn T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;

Địa chỉ: Số A, đường T, Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B: Ông Trần Minh H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thành phố B;

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường T, Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố B: Ông Trần Minh H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân tỉnh B là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trương Văn K, bà Trần Thị Thùy N là ông Phan Văn S trình bày nội dung như sau:

Nguồn gốc đất do ông Trương Văn K, bà Trần Thị Thùy N nhận chuyển nhượng của ông La Hoàng N1 vào năm 2004 và ông K, bà N được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 393239 ngày 23/4/2004, diện tích 300m², thuộc thửa đất số 471, tờ bản đồ số 03, địa chỉ đất tại Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, mục đích sử dụng đất trồng lúa.

Ngày 05/5/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 170/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường bổ sung cho hộ ông Trương Văn K, theo đó hệ số điều chỉnh giá đất là 6,089.

Ngày 03/8/2023, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 93/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích 300m² đất của hộ ông K, bà N để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư giáp khu tái định cư B - Bộ đội B (Khu dân cư T) đến đường tránh Quốc lộ A, tại Khóm A, Phường G, thành phố B.

Ngày 08/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 272/QĐ-UBND về chi trả tiền bồi thường về đất cho hộ ông Trương Văn K với số tiền 237.471.000 đồng.

Do giá bồi thường chưa thỏa đáng nên phía gia đình ông K, bà N chưa đồng ý nhận tiền bồi thường. Người bị kiện xác định thửa đất thu hồi của hộ ông K, bà N tại vị trí 3, không tiếp giáp đường là không đúng vì tại thời điểm thu hồi đất năm 2023 thì thửa đất của hộ ông K, bà N có tiếp giáp đường số 5 của Khu dân cư T. Nên ông K, bà N không đồng ý việc chi trả bồi thường. Nay ông K, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường thực hiện dự án Khu dân cư B B, Phường G, thành phố B bồi thường bổ sung cho hộ ông Trương Văn K và Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trương Văn K.

Tại Văn bản ghi ý kiến số 4707/UBND-NC ngày 21/11/2023 (Bút lục 176 – 180) người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày nội dung như sau:

Ngày 19/4/2023, Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh tổ chức họp thẩm định phương án hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường thực hiện dự án Khu dân cư giáp Khu tái định cư B B, Phường G, thành phố B (bồi thường bổ sung cho hộ ông Trương Văn K); trên cơ sở ý kiến của các thành viên, Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh thống nhất thông qua phương án hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố B đề xuất.

Ngày 25/4/2023, Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh ban hành Công văn số 17/STC-TTHĐTĐGD về việc thẩm định hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường đối với hộ ông Trương Văn K; theo đó, Hội đồng thẩm định có ý kiến như sau: Thống nhất thông qua phương án hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường thực hiện dự án Khu dân cư giáp Khu tái định cư B B, Phường G, thành phố B (bồi thường bổ sung cho hộ ông Trương Văn K).

Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh, Sở T2 hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Tờ trình số 170/TTr-STNMT ngày 27/4/2023. Ngày 05/5/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 170/QĐ-

UBND phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường thực hiện dự án Khu dân cư giáp Khu tái định cư B B, Phường G, thành phố B bồi thường bổ sung cho hộ ông Trương Văn K.

Như vậy, hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường bổ sung cho hộ ông Trương Văn K được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 170/QĐ-UBND đảm bảo đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp giá đất thị trường tại thời điểm định giá.

Tại Văn bản ghi ý kiến số 7662/UBND-NC ngày 31/10/2023 (Bút lục 14-115) và văn bản ghi ý kiến số 8796/UBND-NC ngày 12/12/2023 (Bút lục số 333) người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày nội dung như sau:

Căn cứ Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi 643.441m² đất để đầu tư xây dựng Khu dân cư giáp Khu tái định cư B - Bộ đội B đến đường tránh Quốc lộ A A, Khóm A, Phường G, thành phố B trong đó có đất của hộ ông Trương Văn K được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 393239 ngày 23/4/2004, diện tích 300m², thuộc thửa đất số 471, tờ bản đồ số 03, địa chỉ đất tại Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, mục đích sử dụng đất trồng lúa, xác định vị trí thửa đất nông nghiệp không tiếp giáp với bất kỳ tuyến đường nhánh, tuyến đường hẻm nào của dự án (tại thời điểm quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án).

Về ban hành Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Trương Văn K với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất là 237.471.000 đồng (300m² x 130.000 đồng/m²) là đúng theo quy định về bồi thường đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn K và bà Trần Thị Thùy N về việc:

Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường thực hiện dự án Khu Dân cư B B, Phường G, thành phố B bồi thường

bổ sung cho hộ ông Trương Văn K và Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trương Văn K.

2. Hủy các Quyết định như sau:

2.1. Hủy Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường thực hiện dự án Khu Dân cư B B, Phường G, thành phố B bồi thường bổ sung cho hộ ông Trương Văn K;

2.2. Hủy Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trương Văn K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh B có làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị kiện có đơn kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Người khởi kiện trình bày cho rằng: Trước năm 2023, đã có làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi đất nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh B không trả lời bằng văn bản mà cho rằng đất này không nằm trong dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư giáp khu tái định cư B – Bộ đội Biên phòng đến đường tránh Quốc lộ A, tại Khóm A, Phường G, thành phố B nên không trả lời đơn khiếu nại. Đến sau này, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số: 170/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường thực hiện dự án nhưng lại áp giá bồi thường năm 2009 là không đúng theo quy định. Từ năm 2023 trở về trước, người khởi kiện không nhận được Quyết định về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư cũng như Quyết định về việc công bố mức giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố B và Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 01 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh B có làm đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trương Văn K, bà Trần Thị Thùy N yêu cầu hủy Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường bổ sung cho hộ ông Trương Văn K và Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về chi trả tiền bồi thường cho hộ ông Trương Văn K. Xét thấy các Quyết định trên được ban hành bởi cơ quan hành chính Nhà nước, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính với quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện kháng cáo vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4, Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[4.1] Nguồn gốc đất do ông Trương Văn K, bà Trần Thị Thùy N nhận chuyển nhượng của ông La Hoàng N1 vào năm 2004 và ông K, bà N được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 393239 ngày 23/4/2004, diện tích 300m², thuộc thửa đất số 471, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, mục đích sử dụng đất trồng lúa.

Ngày 05/5/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 170/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường bổ sung cho hộ ông Trương Văn K, theo đó hệ số điều chỉnh giá đất là 6,089.

Ngày 03/8/2023, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 93/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích 300m² đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư giáp khu tái định cư B – Bộ đội Biên phòng đến đường tránh Quốc lộ A, tại Khóm A, Phường G, thành phố B.

Ngày 08/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 272/QĐ-UBND về chi trả tiền bồi thường về đất cho hộ ông Trương Văn K với số tiền 237.471.000 đồng. Ông K, bà N không đồng ý việc chi trả bồi thường nên ông bà khởi kiện tại Tòa án.

[4.2] Xét Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về thu hồi đất của hộ ông Trương Văn K và bà Trần Thị Thùy N:

Căn cứ Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thể hiện diện tích đất của ông Trương Văn K bị thu hồi là 300m² thuộc thửa đất số 471, Mảnh trích đo địa chính số 08, tờ bản đồ địa chính số 03 mà hộ ông Trương Văn K được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/4/2004, loại đất trồng lúa, địa chỉ thửa đất tại Khóm A, Phường G, thành phố B.

Theo Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích 300m² đất trồng lúa của hộ ông K, bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà N xác định không khiếu nại hay yêu cầu gì về việc thu hồi đất. Ông K, bà N đồng ý việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố B. Do đó, Quyết định thu hồi đất số 93/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành đúng thẩm quyền, có căn cứ và đúng quy định của Luật Đất đai.

[4.3] Xét Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường bổ sung cho hộ ông Trương Văn K và Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trương Văn K:

[4.3.1] Theo tài liệu, chứng cứ do người bị kiện cung cấp thì việc Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 170/QĐ-UBND về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 272/QĐ-UBND chi trả tiền bồi thường cho hộ ông K là căn cứ vào Quyết định số 1625/QĐ-UB ngày 31/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi 643.441m² đất để đầu tư xây dựng Khu dân cư giáp Khu tái định cư B – Bộ đội Biên phòng đến đường tránh Quốc lộ A, tại Khóm A, Phường G, thành phố B.

Theo đó, người bị kiện cho rằng Quyết định số 1625/QĐ-UB ngày 31/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B thu hồi 643.441m² đất trong đó có đất của hộ ông K (do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/4/2004, diện tích 300m, thửa 471, tờ bản đồ 03, đất trồng lúa), thì thửa đất của hộ ông K bị thu hồi là thửa đất nông nghiệp trong khu dân cư (loại đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường), vị trí 3 (vị trí của thửa đất không tiếp giáp bất kỳ tuyến đường nhánh, tuyến đường hẻm nào của dự án tại thời điểm có quyết định thu hồi để thực hiện dự án theo Quyết định số 1625/QĐ-UB ngày 31/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B), đơn giá đất theo quy định ban hành là 130.000 đồng/m², có hệ số điều chỉnh giá đất là 6,089 (Bút lục 156, 157, 333).

Theo Đơn kháng cáo của người bị kiện cho rằng Trung tâm K1 thuộc Sở T2 lập có sai sót khi xác định vị trí, chủ sử dụng đất, cụ thể vị trí thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Trương Văn K nhưng lại xác định bồi thường, hỗ trợ cho ông Đoàn Tấn T1 và ông Đoàn Hải L. Từ đó, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành hai Quyết định 927/QĐ-UBND và Quyết định 928/QĐ-UBND cùng ngày 27/12/2010 thu hồi diện tích đất của ông T1 và ông L chính là vị trí thửa đất của hộ ông Trương Văn K. Ngày 03/8/2023, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 93/QĐ-UBND thu hồi 300m² đất của hộ ông K. Tại thời điểm năm 2023, thửa đất của ông K bị thu hồi là thửa đất nông nghiệp trong khu dân cư có tiếp giáp với đường (tuyến đường hình thành sau thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất của ông L và ông T1). Do đó xác định vị trí bồi thường cho hộ ông K là vị trí tại thời điểm thu hồi đất không tiếp giáp với bất kỳ tuyến đường nào.

[4.3.2] Xét thấy, Quyết định số 1625/QĐ-UB ngày 31/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B thu hồi 643.441m² đất để đầu tư xây dựng Khu dân cư giáp Khu tái định cư B (Khu dân cư T) là Quyết định thu hồi đất tổng thể nên chưa

ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bất kỳ cá nhân nào. Đồng thời, năm 2009 cũng chưa có Quyết định thu hồi đất của hộ ông K. Tại thời điểm có quyết định thu hồi để thực hiện dự án theo Quyết định số 1625/QĐ-UB ngày 31/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (năm 2009) thì thửa đất của ông K là thửa đất nông nghiệp không tiếp giáp bất kỳ tuyến đường nhánh, tuyến đường hẻm nào của dự án là đúng như ý kiến trình bày của người bị kiện. Tuy nhiên, đến ngày 03/8/2023, Ủy ban nhân dân thành phố B mới ban hành Quyết định số 93/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích 300m² đất của hộ ông K thì tại thời điểm này (năm 2023) thửa đất của ông K bị thu hồi là thửa đất nông nghiệp trong khu dân cư có tiếp giáp đường. Mặt khác, người khởi kiện cho rằng nhiều lần trình bày, khiếu nại với người bị kiện về việc thu hồi đất nhưng không được tiếp nhận đơn và không giải quyết khiếu nại, nhưng đến ngày 03/8/2023 lại ra quyết định thu hồi. Như vậy, theo người bị kiện trình bày trong đơn kháng cáo, thì một thửa đất lại có ba quyết định thu hồi là không đúng quy định. Đây là lỗi của người bị kiện.

[4.3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cung cấp tài liệu là Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 – 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 – 2024 (Kèm theo Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh) thì hiện nay khu Dân cư giáp Khu tái định cư B – Bộ đội Biên phòng, Phường G (Khu dân cư T) đã hình thành các tuyến đường nhánh, tuyến đường hẻm (có 17 đường) và thửa đất của hộ ông K tại thời điểm bị thu hồi (năm 2023) hiện nay tiếp giáp đường số 05 nên không phải vị trí 3. Người bị kiện cho rằng thửa đất của hộ ông K bị thu hồi không có tiếp giáp bất kỳ tuyến đường nhánh, tuyến đường hẻm nào là không đúng. Do đó, khi áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất tại Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 xác định đối với thửa đất của hộ ông K ở vị trí 3, không tiếp giáp đường với hệ số điều chỉnh giá đất 6,089 là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông K, bà N.

Tại Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“1. Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường.

2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường

bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Như vậy, đối chiếu quy định trên thì việc chi trả tiền bồi thường cho hộ ông K theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất năm 2023 tức là tại thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 về việc thu hồi đất cụ thể đối với hộ ông Trương Văn K chứ không phải tại thời điểm thu hồi đất (năm 2009) để thực hiện dự án theo Quyết định số 1625/QĐ-UB ngày 31/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Do người bị kiện xác định sai vị trí đất và xác định sai thời điểm quyết định thu hồi đất, ra nhiều quyết định thu hồi một thửa đất nên dẫn đến việc áp giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất đối với thửa đất của hộ ông K ở vị trí 3, đơn giá 130.000 đồng/m² và hệ số điều chỉnh giá đất 6,089 là chưa đúng quy định pháp luật.

Do đó, số tiền bồi thường về đất đối với hộ ông K, bà N theo Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 về phê duyệt hệ số điều chỉnh bồi thường bổ sung cho hộ ông K là không đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của người bị kiện là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Ủy ban nhân dân tỉnh B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 – 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 – 2024 (Kèm theo Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất; Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn K và bà Trần Thị Thùy N về việc:

Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường thực hiện dự án Khu Dân cư B, Phường G, thành phố B bồi thường bổ sung cho hộ ông Trương Văn K và Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trương Văn K.

2. Hủy các Quyết định như sau:

2.1. Hủy Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường thực hiện dự án Khu Dân cư B, Phường G, thành phố B bồi thường bổ sung cho hộ ông Trương Văn K;

2.2. Hủy Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trương Văn K.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân tỉnh B chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0000250 ngày 31 tháng 01 năm 2024

của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu. Ủy ban nhân dân tỉnh B đã đóng xong án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các phần khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú